



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

30.12.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

**KHOẢNG NGẠI CÓ XU HƯỚNG MUA RÒNG TRỞ LẠI TRONG THỜI GIAN GẦN
ĐÂY**

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS) | BÁO CÁO THỰC HIỆN BỞI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	372
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	168
Số cổ phiếu giảm giá	142
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	62

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	202
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	57
Số cổ phiếu giảm giá	76
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	69

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	350
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	154
Số cổ phiếu giảm giá	98
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	98

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	64,298.29	39,729.79	24,568.50
% KL toàn thị trường	10.05%	6.21%	
Giá trị	2,547,603	1,547,645	999,958
% GT toàn thị trường	12.31%	7.48%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,160.60	1,212.35	(51.75)
% KL toàn thị trường	10.05%	6.21%	
Giá trị	29,326	35,197	(5,871)
% GT toàn thị trường	1.54%	1.85%	

UPCOM

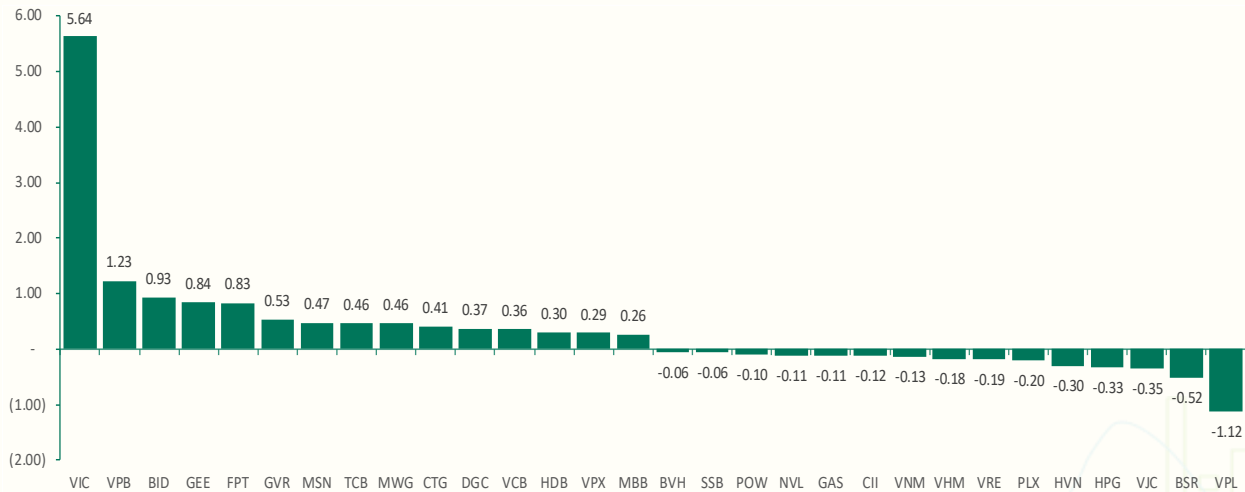
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	104.42	361.39	(256.97)
% KL toàn thị trường	0.40%	1.40%	
Giá trị	2,343	15,304	(12,961)
% GT toàn thị trường	0.65%	4.23%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	8,091,800	163,000	3,300 (2.07%)	69.81	3.91	2,335	1,260,559
2	VHM	6,669,000	117,500	-200 (-0.17%)	18.77	2.05	6,259	482,621
3	VCB	2,958,000	57,300	200 (0.35%)	11.44	2.15	5,008	478,780
4	BID	5,379,000	39,400	600 (1.55%)	10.13	1.65	3,890	276,642
5	TCB	7,265,300	34,350	300 (0.88%)	11.03	1.36	3,113	243,412
6	MCH	382,800	221,200	1,100 (0.5%)	28.11	14.02	7,870	233,743
7	VPB	23,124,400	28,700	700 (2.5%)	11.03	1.43	2,603	227,704
8	HPG	24,581,900	26,500	-200 (-0.75%)	12.29	1.60	2,157	203,400
9	MBB	12,056,900	25,000	150 (0.6%)	6.17	1.51	4,051	201,375
10	CTG	8,456,300	35,650	350 (0.99%)	5.74	1.13	6,207	191,440

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (Đ)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+1.34%	+55.79%	1,595
▼ Tài chính	+0.25%	+24.80%	107
> Tổ chức tín dụng	+0.22%	+24.60%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.24%	+30.07%	66
> Bảo hiểm	+4.23%	+32.07%	13
► Bất động sản	+3.40%	+175.67%	133
▼ Công nghiệp	+0.57%	+26.60%	386
> Vận tải	-0.29%	+15.05%	117
> Hàng hóa công nghiệp	+2.08%	+50.53%	227
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	+1.10%	+42.14%	54
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+0.53%	+14.83%	166
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+0.49%	+14.87%	155
> Thương mại hàng thiết yếu	+3.94%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+0.03%	+3.31%	4
► Nguyên vật liệu	+0.61%	+7.14%	283
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+0.85%	+33.81%	165
> Thương mại hàng không thiết yếu	+0.25%	+26.89%	65
> Dịch vụ tiêu dùng	+1.98%	+19.66%	36
> Thời trang và hàng lâu bền	+0.67%	+58.74%	71
> Xe và linh kiện	+0.67%	-1.10%	13
► Tiện ích	+2.81%	+12.01%	153
▼ Dịch vụ truyền thông	+0.99%	-31.41%	41
> Dịch vụ viễn thông	+1.13%	-33.11%	18
> Truyền thông và giải trí	-1.13%	+4.78%	23
► Năng lượng	+2.87%	+5.19%	53
▼ Công nghệ thông tin	+1.91%	-26.14%	18
> Phần mềm và dịch vụ	+1.90%	-27.11%	9
> Phần cứng và thiết bị	+2.70%	+120.67%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.47%	+8.29%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.13%	+13.53%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-4.05%	-39.45%	11

Khối ngoại có xu hướng mua ròng trở lại trong thời gian gần đây

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 12.06 điểm (+ 0.69%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Phần mềm và dịch vụ, dịch vụ viễn thông, bất động sản, hàng hóa công nghiệp, tổ chức tín dụng, thương mại hàng không thiết yếu, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, dịch vụ tài chính, nguyên vật liệu... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như FPT, CMG, VGI, FOX, CTR, VIC, BCM, KBC, SJS, TAL, QCG, GEE, GEX, VEA, PC1, VCB, BID, VPB, CTG, LPB, STB, SHB, MWG, PNJ, FRT, MCH, MSN, SAB, HAG, SBT, QNS, VHC, DBC, TCX, SSI, VCK, VPX, VCI, SHS, CTS, DGC, MSR, HT1, PHR, DPR... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VPB vận động theo mô hình Bullish Falling Wedge – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Một Break out 30 sẽ xác nhận mô hình tăng giá trung hạn quay trở lại báo hiệu sóng 4 điều chỉnh trung hạn đã kết thúc – NĐT nên quan sát cổ phiếu này;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(ii) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên đang mở ra hỗ trợ giá lên;
- ✓ MWG đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 110 – 130;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(iii) DBC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ DBC đang ở hỗ trợ của sóng 4 nhỏ giảm giá quanh 27 và đang hình thành sóng 5 tăng giá nhỏ với mục tiêu 30;
- ✓ DBC phục hồi tốt từ đáy trong giai đoạn vừa qua theo đà tăng của giá lợn nhưng về cơ bản giao dịch vẫn là dạng đi ngang;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iv) PHR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";

- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ PHR đang thiết lập sóng 5 tăng giá với mục tiêu 61 – 68;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(v) PC1 tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ PC1 vẫn đi ngang quanh khung giá 21 – 24;
- ✓ Dải băng co hẹp cho thấy xu hướng đi ngang vẫn hiện hữu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(2) Dịch vụ tiêu dùng, năng lượng, vận tải, bảo hiểm, tiện ích... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VPL, BSR, PLX, PVD, PVS, OIL, VJC, HVN, CII, BVH, BIC, MIG, GAS, REE, POW ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VPL giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VPL đang vận động có dạng mẫu hình hai đỉnh chưa xác nhận;
- ✓ Đường viền hỗ trợ là quanh vùng giá 77 – Một Break Down sẽ xác nhận mô hình hai đỉnh;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 65%;

(ii) PVD giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ PVD đang trong vùng giá mục tiêu sóng 5 là 29 – 31. Đây là vùng giá cạnh bán;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iii) VJC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều và vận động theo mô hình sóng giảm giá cấu trúc cản trở đà tăng của VJC – Đây là mẫu hình tiêu cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Độ rộng nhóm VN30 đã tốt hơn

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 983 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MWG, FPT, STB, VPB, GEX, VIX, BID, MSN, GMD, SSI ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIC, VHM, VCB, VJC, CII, HAH, NVL, HVN, PLX, VPX...Hôm nay, tự doanh, tổ chức nước ngoài và cá nhân nước ngoài là nhóm mua ròng còn cá nhân trong nước và tổ chức trong nước bán ròng.

(ii) VN-Index tiếp tục phục hồi với độ rộng tốt hơn trong nhóm VN30 dù VIC vẫn chiếm gần 1/2 điểm số phục hồi. Điểm sáng trong giai đoạn hiện nay là khối ngoại có xu hướng mua ròng trở lại và các cổ phiếu được NĐT nước ngoài mua ròng có xu hướng được mua đẩy giá như trường hợp MWG, VPB... Vào cuối năm thanh khoản có xu hướng suy giảm và một điểm nữa là dòng tiền không thực sự ổn định. Chúng ta thấy nhóm ngành cao su được đẩy giá trong phiên giao dịch hôm nay nhưng còn quá sớm để cho thấy sự nhập cuộc ổn định của dòng tiền theo nhóm ngành. Về cơ bản các ngành đều được xoay tua đẩy giá nhưng mức sinh lợi là tương đối thấp theo chu kỳ T+5. Trong ngắn hạn có lẽ chiến thuật mua và bán chốt lời nhanh vẫn đang là chiến thuật giao dịch phổ biến của NĐT.

Các cổ phiếu có lệnh mua/bán lớn: HDB, VIX, SHB, QCG, VPB....

Các cổ phiếu mua tích lũy: TCM, OCB, VGC, GVR, VNM, SSB, MCH...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 12 mã cho tín hiệu mua, 05 mã cho tín hiệu bán, 13 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã ACB, MSN, BID, BVH, CTG, VCB, GAS, TPB, HDB, STB, TCB...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 50% và 53% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Hỗ trợ và kháng cự là 1,650 - 1,800 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VPB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	545.94	546.31	545.56	YES	549.11	553.04	556.21	560.14	542.01	538.84	534.91	531.74
HNINDEX	250.33	250.25	250.42	YES	252.38	254.25	256.3	258.17	248.46	246.41	244.54	242.49
UPINDEX	120.53	120.43	120.64	YES	120.99	121.22	121.68	121.91	120.3	119.84	119.61	119.15
VN30	1998.31	1992.61	2004	NO	2021.42	2033.15	2056.26	2067.99	1986.58	1963.47	1951.74	1928.63
VNINDEX	1757.96	1753.48	1762.43	NO	1775.84	1784.79	1802.67	1811.62	1749.01	1731.13	1722.18	1704.3
VNXALL	2943.91	2936.61	2951.21	NO	2973.11	2987.7	3016.9	3031.49	2929.32	2900.12	2885.53	2856.33
VN30FIM	2004.4	1999.55	2009.25	NO	2023.8	2033.5	2052.9	2062.6	1994.7	1975.3	1965.6	1946.2
VN30FIQ	1994.2	1991.45	1996.95	NO	2008.5	2017.3	2031.6	2040.4	1985.4	1971.1	1962.3	1948
VN30F2M	2002.53	1998.3	2006.77	NO	2019.47	2027.93	2044.87	2053.33	1994.07	1977.13	1968.67	1951.73
VN30F2Q	1987.7	1986	1989.4	YES	2001.4	2011.7	2025.4	2035.7	1977.4	1963.7	1953.4	1939.7
BCM	60.83	60.5	61.17	NO	62.17	62.83	64.17	64.83	60.17	58.83	58.17	56.83
ACB	24.07	24.05	24.08	YES	24.23	24.37	24.53	24.67	23.93	23.77	23.63	23.47
BID	39.3	39.25	39.35	NO	39.95	40.5	41.15	41.7	38.75	38.1	37.55	36.9
BVH	59.2	59.1	59.3	NO	60.2	61	62	62.8	58.4	57.4	56.6	55.6
CTG	35.6	35.58	35.63	YES	36	36.35	36.75	37.1	35.25	34.85	34.5	34.1
GVR	26.55	26.52	26.58	YES	26.95	27.3	27.7	28.05	26.2	25.8	25.45	25.05
GAS	74.8	74.75	74.85	YES	75.8	76.7	77.7	78.6	73.9	72.9	72	71
FPT	95.8	95.45	96.15	NO	97.3	98.1	99.6	100.4	95	93.5	92.7	91.2
HDB	27.63	27.48	27.79	NO	28.27	28.58	29.22	29.53	27.32	26.68	26.37	25.73
HPG	26.62	26.67	26.56	NO	26.73	26.97	27.08	27.32	26.38	26.27	26.03	25.92
LPB	41.82	41.78	41.86	YES	42.03	42.17	42.38	42.52	41.68	41.47	41.33	41.12
MBB	25.02	25.03	25.01	YES	25.18	25.37	25.53	25.72	24.83	24.67	24.48	24.32
MSN	76.43	76.2	76.67	NO	77.37	77.83	78.77	79.23	75.97	75.03	74.57	73.63
MWG	87.87	87.55	88.18	NO	89.13	89.77	91.03	91.67	87.23	85.97	85.33	84.07
PLX	36.02	36.15	35.88	NO	36.33	36.92	37.23	37.82	35.43	35.12	34.53	34.22
SAB	49.3	49.15	49.45	NO	50.2	50.8	51.7	52.3	48.7	47.8	47.2	46.3
SSB	17.2	17.2	17.2	YES	17.3	17.4	17.5	17.6	17.1	17	16.9	16.8
SHB	16.3	16.27	16.33	NO	16.45	16.55	16.7	16.8	16.2	16.05	15.95	15.8
SSI	30.57	30.55	30.58	YES	30.83	31.07	31.33	31.57	30.33	30.07	29.83	29.57
STB	59.77	59.65	59.88	NO	61.03	62.07	63.33	64.37	58.73	57.47	56.43	55.17
TCB	34.17	34.08	34.26	NO	34.58	34.82	35.23	35.47	33.93	33.52	33.28	32.87
TPB	17.13	17.13	17.14	YES	17.32	17.48	17.67	17.83	16.97	16.78	16.62	16.43
VCB	57.53	57.65	57.42	NO	57.87	58.43	58.77	59.33	56.97	56.63	56.07	55.73
VHM	117.03	116.8	117.27	NO	121.07	124.63	128.67	132.23	113.47	109.43	105.87	101.83
VIB	17.7	17.7	17.7	YES	17.8	17.9	18	18.1	17.6	17.5	17.4	17.3
VIC	159.2	157.3	161.1	NO	166.8	170.6	178.2	182	155.4	147.8	144	136.4
VJC	204.4	203.9	204.9	NO	209.2	213	217.8	221.6	200.6	195.8	192	187.2
VPB	28.57	28.5	28.63	NO	29.23	29.77	30.43	30.97	28.03	27.37	26.83	26.17
VNM	61.93	62	61.87	NO	62.17	62.53	62.77	63.13	61.57	61.33	60.97	60.73
VRE	32.8	32.8	32.8	YES	33.6	34.4	35.2	36	32	31.2	30.4	29.6

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
BID	5,379,000	2,408,430	223	1.55
DLG	2,533,900	1,257,350	202	5
G36	2,116,300	551,510	384	6.19
DRI	1,683,400	317,300	530.54	2.33
PHR	1,500,500	205,710	729	4.98
FIR	1,166,900	259,190	450	-3.87
CTD	1,145,400	446,200	256.7	-2.14
VHC	1,118,400	501,050	223	4.04
DPR	938,600	234,530	400	2.27
SAM	794,500	236,070	336.55	1.28
SGR	689,500	206,260	334	1.6
FUEVFVND	587,000	212,130	277	1.03
TPC	570,000	228,350	250	-0.37
BWE	566,700	225,180	252	4.45
GEG	488,500	202,320	241.45	1.01
CTP	419,200	177,550	236	-4.49
KSQ	393,000	36,350	1,081	10
VLB	379,600	169,910	223	-2.57
BVS	264,800	126,900	209	-1.34
PTB	264,600	66,110	400.24	4.81
HMR	254,300	3,200	7,947	2.54
DAH	209,000	77,820	269	0
SVN	187,300	43,460	431	3.7
QNS	175,800	72,400	243	0.65
TRC	172,400	64,320	268.03	0.65
TNT	168,500	45,230	373	6.97
IVS	163,500	66,540	246	3.37
TIS	157,600	12,900	1,222	6.52
FOX	141,700	69,880	203	0.16
DHM	134,800	4,600	2,930	1.31
ADS	126,900	28,780	441	-1.25
LSG	115,500	51,300	225	2.56
IMP	103,500	47,810	216	1.97
LHC	99,300	25,610	388	3.36
D2D	95,400	39,690	240	0.29
CNG	92,400	12,520	738	-0.8
VMG	90,300	32,930	274	-11.76
VEC	88,500	40,620	218	1.31
MTL	88,000	470	18,723	9.09
TCL	84,300	14,980	563	-0.73

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: BID...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
29-Dec	PVS	Mua	≤ 36	10% -20%	Nên mua khi điều chỉnh/ Sóng 5 tăng giá đang hình thành

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 29/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.125 VND/USD, giảm 03 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.919 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.331 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.285 VND/USD, giảm 07 đồng so với phiên 26/12. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở chiều mua vào trong khi giảm 30 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.750 VND/USD và 26.820 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 29/12, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,03 – 1,00 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,15 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên cuối tuần trước, giao dịch tại: ON 3,30%; 1W 8,50%; 2W 8,70% và 1M 7,75%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1W và tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 3,68%; 1W 3,76%; 2W 3,79%, 1M 3,86%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ không thay đổi ở kỳ hạn 7Y, chốt phiên với mức: 3Y 3,03%; 5Y 3,25%; 7Y 3,50%; 10Y 4,04%; 15Y 4,10%.
- Nghị quyết thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 29/12, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 14 ngày và 91 ngày, 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Có 5.000 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, 4.966,87 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, kỳ hạn 28 ngày không có khối lượng trúng thầu. Có 9.510,71 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua, NHNN bơm ròng 456,16 tỷ đồng ra thị trường. Có 381.907,48 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

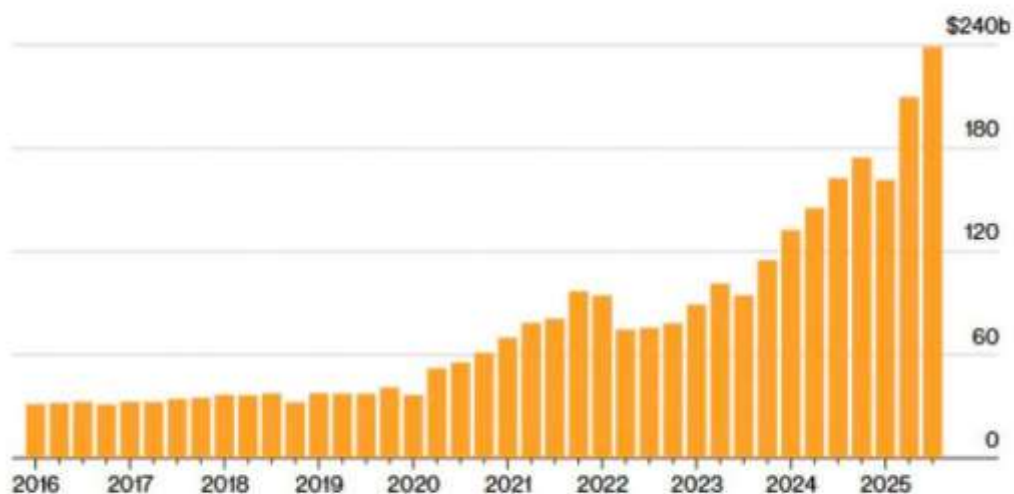
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Các nhà đầu tư hiện đã đầu tư 239 tỷ đô la vào các ETF có đòn bẩy, số tiền cao nhất trong lịch sử

Thrill-Chasing

Assets under management in leveraged ETFs at quarter's end



Source: Bloomberg

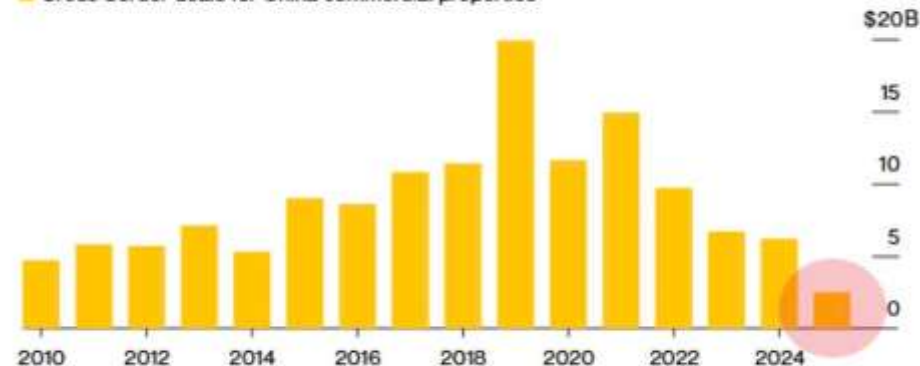
Note: Q3 2025 excludes the assets of funds with an inception date of Sept. 30, 2025.

Các NĐT nước ngoài đã giảm đầu tư vào BDS Trung Quốc với số tiền thấp nhất từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu

Big Bets on China Real Estate

Foreign investment in the sector peaked before the pandemic

■ Cross-border deals for China commercial properties



Source: MSCI Real Capital Analytics

Note: Properties include office, industrial, data center, retail, hotel, apartments and senior housing. Figures are for deals of at least \$10 million.

TTCK MỸ

Năm 2025 là năm thất bại của các quỹ

AMZN quay trở lại xu hướng tăng giá ?



NFLX đang thấp hơn đường trung bình động MA(200) tới 18%



Chỉ có 27% các quỹ có hiệu suất cao hơn S&P 500



S&P 500 đang trên đà năm thứ 3 liên tiếp không có đợt tăng giá Santa Rally. Đây sẽ là lần đầu tiên trong lịch sử điều này xảy ra



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

